

UBND HUYỆN ĐĂKTÔ
TRƯỜNG MN BÌNH MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

KON TUM - (NĂM 2024)

Ủ BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK TÔ
TRƯỜNG MẦM NON BÌNH MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên | Chức danh, chức vụ | Nhiệm vụ | Chữ ký |
|----|------------------------|-----------------------|----------------|--------|
| 1 | Phạm Thị Ánh Tuyết | Hiệu trưởng | Chủ tịch HĐ | |
| 2 | Nguyễn Thị Hiền | Phó hiệu trưởng | P. Chủ tịch HĐ | |
| 3 | Mai Thị Hà | Phó hiệu trưởng | Thư ký | |
| 4 | Nguyễn Thị Bích Nguyên | Văn Thư | Ủy viên HĐ | |
| 5 | Nguyễn Thị Thùy Ngân | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 6 | Phan Thị Tuệ | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 7 | Nguyễn Thị Hương | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 8 | Nguyễn Thị Trang | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 9 | Nguyễn Thị Hồng Thắm | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |
| 10 | Nguyễn Bảo Trâm | Giáo viên | Ủy viên HĐ | |

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|--|-------|
| Mục lục | 1 |
| Danh mục các chữ viết tắt | 3 |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | 5 |
| Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU | 7 |
| Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ | |
| A. ĐẶT VẤN ĐỀ | 13 |
| B. TỰ ĐÁNH GIÁ | |
| I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3 | 14 |
| Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường | 14 |
| Mở đầu | 14 |
| 1. Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường | 15 |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác | 16 |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 18 |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng | 20 |
| Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo | 22 |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản | 24 |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên | 26 |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục | 27 |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở | 29 |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học | 30 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i> | 32 |
| Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên | 33 |
| Mở đầu | 33 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng | 33 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên | 35 |

| | |
|---|----|
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên | 37 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i> | 39 |
| Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học | 40 |
| Mở đầu | 40 |
| Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn | 40 |
| Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập | 43 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị | 45 |
| Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn | 47 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi | 48 |
| Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước | 50 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i> | 53 |
| Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 53 |
| Mở đầu | 54 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ | 54 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 56 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i> | 58 |
| Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ | 58 |
| Mở đầu | 58 |
| Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non | 59 |
| Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ | 62 |
| Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe | 64 |
| Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục | 67 |
| <i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i> | 69 |
| Phần III. KẾT LUẬN CHUNG | 69 |
| | |

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

| TT | Viết tắt | Chú thích |
|----|----------|--------------------------------|
| 1 | ATTP | An toàn thực phẩm |
| 2 | BĐD | Ban đại diện |
| 3 | BGD&ĐT | Bộ giáo dục và đào tạo |
| 4 | BGH | Ban giám hiệu |
| 5 | BNV | Bộ nội vụ |
| 6 | CB-GV-NV | Cán bộ - giáo viên - Nhân viên |
| 7 | NV | Nhân viên |
| 8 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 9 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 10 | CSGD | Chăm sóc giáo dục |
| 11 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 12 | DTTS | Dân tộc thiểu số |
| 13 | ĐHSPMN | Đại học sư phạm mầm non |
| 14 | Đ/c | Đồng chí |
| 15 | GD & ĐT | Giáo dục và đào tạo |
| 16 | GDMN | Giáo dục mầm non |
| 17 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 18 | HS | Học sinh |
| 19 | MG | Mẫu giáo |
| 20 | MN | mầm non |
| 21 | NĐ-CP | Nghị định Chính phủ |
| 22 | PHHS | Phụ huynh học sinh |

| | | |
|----|--------|---------------------------|
| 23 | PGDDĐT | Phòng giáo dục và đào tạo |
| 24 | QĐ | Quyết định |
| 25 | SKKN | Sáng kiến kinh nghiệm |
| 26 | TT | Thông tư |
| 27 | TTLT | Thông tư liên tịch |
| 28 | VBHN | Văn bản hợp nhất |
| 29 | VPQH | Văn phòng quốc hội |
| 30 | VSATTP | Vệ sinh an toàn thực phẩm |

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Kết quả | | | |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
| | Không đạt | Đạt | | |
| | | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | | | | x |
| Tiêu chí 1.2 | | | x | |
| Tiêu chí 1.3 | | | | x |
| Tiêu chí 1.4 | | | | x |
| Tiêu chí 1.5 | | | | x |
| Tiêu chí 1.6 | | | | x |
| Tiêu chí 1.7 | | | x | |
| Tiêu chí 1.8 | | | x | |
| Tiêu chí 1.9 | | | x | |
| Tiêu chí 1.10 | | | x | |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | | | | x |
| Tiêu chí 2.2 | | | x | |
| Tiêu chí 2.3 | | | | x |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | |
| Tiêu chí 3.1 | | | x | |

| | | | | |
|---------------------|--|--|---|---|
| Tiêu chí 3.2 | | | X | |
| Tiêu chí 3.3 | | | | X |
| Tiêu chí 3.4 | | | | X |
| Tiêu chí 3.5 | | | | X |
| Tiêu chí 3.6 | | | X | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | | | | X |
| Tiêu chí 4.2 | | | | X |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | |
| Tiêu chí 5.1 | | | | X |
| Tiêu chí 5.2 | | | | X |
| Tiêu chí 5.3 | | | | X |
| Tiêu chí 5.4 | | | | X |

Kết quả: Đạt Mức 2

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): MN Bình Minh

Tên trước đây (nếu có): Trường MN số 1 Thị trấn Đắk Tô

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Đắk Tô

| | |
|--|--------------|
| Tỉnh / thành phố trực thuộc Trung ương | Kon Tum |
| Huyện / quận / thị xã / thành phố | Huyện Đắk Tô |
| Xã / phường / thị trấn | TT Đắk Tô |
| Đạt chuẩn quốc gia | Mức độ 2 |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2008 |
| Công lập | Có |
| Tư thục | Không |
| Dân lập | Không |

| | |
|--------------------------------|--------------------|
| Họ và tên hiệu trưởng | Phạm Thị Ánh Tuyết |
| Điện Thoại | 0706250755 |
| Fax | |
| Website | |
| Số điểm trường | 3 |
| Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không |
| Loại hình khác (ghi rõ): | Không |

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

| Số nhóm, lớp | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| Số nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | | | |
|---|----|----|----|----|----|
| Số nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 |
| Số lớp mẫu giáo từ 3 đến 4 tuổi | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 |
| Số lớp ghép 3+4 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Số lớp ghép 3+5 tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Số lớp ghép 3+4+5 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Số lớp mẫu giáo từ 4 đến 5 tuổi | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| Số lớp ghép 4+5 tuổi | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| Số lớp mẫu giáo từ 5 đến 6 tuổi | 3 | 3 | 2 | 2 | 3 |
| Cộng | 14 | 14 | 12 | 12 | 12 |

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|
| I | Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo | 13 | 13 | 12 | 12 | 12 | |
| 1 | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 9 | 9 | 9 | |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| II | Khối phòng phục vụ học tập | 13 | 13 | 12 | 12 | 12 | |
| 1 | Phòng kiên cố | 10 | 10 | 9 | 9 | 9 | |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| III | Khối phòng hành chính quản trị | | | | | | |
| 1 | Phòng kiên | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 | |

| | | | | | | | |
|-----------|-----------------------------|----|----|----|----|----|--|
| | cố | | | | | | |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| IV | Khối phòng tổ chức ăn | | | | | | |
| 1 | Bếp ăn | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | |
| | Cộng | 19 | 19 | 18 | 18 | 18 | |

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

| | Tổng số | Nữ | Dân tộc | Trình độ đào tạo | | | Ghi chú |
|-----------------|---------|----|---------|------------------|-----------|------------|---------|
| | | | | Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn | |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 2 | 0 | 0 | 2 | 2 | |
| Giáo viên | 25 | 25 | 6 | 0 | 25 | 15 | |
| Nhân viên | 9 | 8 | 1 | 7 | 2 | 2 | |
| Cộng | 37 | 36 | 7 | 7 | 30 | 20 | |

b) Số liệu của 5 năm gần đây

| TT | Số liệu | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 |
|----|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| 1 | Tổng số giáo viên | 27 | 27 | 19 | 17 | 25 |
| 2 | Tỉ lệ trẻ em/ giáo viên(đối với | 13 trẻ/ 1 giáo viên | 12 trẻ/ 1 giáo viên | 12 trẻ/ 1 giáo viên | 12 trẻ/ 1 giáo viên | 13 trẻ/ 1 giáo viên |

| | | | | | | |
|---|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | nhóm trẻ) | | | | | |
| 3 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú) | 15trẻ/ 1giáo viên | 15trẻ/ 1giáo viên | 18trẻ/ 1giáo viên | 15trẻ/ 1giáo viên | 13trẻ/ 1giáo viên |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 4 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 6 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |

4. Trẻ em

| TT | Số liệu | Năm học 2019-2020 | Năm học 2020-2021 | Năm học 2021-2022 | Năm học 2022-2023 | Năm học 2023-2024 | Ghi chú |
|----|--------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|---------|
| 1 | Tổng số trẻ em | 399 | 381 | 329 | 319 | 317 | |
| | - Nữ | 195 | 191 | 163 | 172 | 179 | |
| | - Dân tộc thiểu số | 155 | 150 | 145 | 136 | 134 | |
| 2 | Đối tượng | 24 | 24 | 25 | 22 | 29 | |

| | | | | | | | |
|---|----------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|--|
| | chính sách | | | | | | |
| 3 | Khuyết tật | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 4 | Tuyển mới | 157 | 161 | 137 | 111 | 91 | |
| 5 | Học 2 buổi/ngày | 399 | 381 | 329 | 319 | 317 | |
| 6 | Bán trú | 399 | 381 | 329 | 259 | 317 | |
| 7 | Tỉ lệ trẻ em/lớp | 31 | 29 | 27 | 27 | 26 | |
| 8 | Tỉ lệ trẻ em/nhóm | 42 | 22 | 24 | 29 | 26 | |
| | - Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | - Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| | - Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi | 42 | 44 | 24 | 29 | 26 | |
| | - Trẻ em từ 3-4 tuổi | 125 | 118 | 96 | 92 | 86 | |
| | - Trẻ em từ 4-5 tuổi | 139 | 120 | 93 | 102 | 96 | |
| | - Trẻ em từ 5-6 tuổi | 173 | 140 | 116 | 96 | 109 | |

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường:

Trường Mầm non Bình Minh thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Kon Tum thành lập tháng 10 năm 1988. Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền địa phương, ngành GD&ĐT. Năm học 2009 - 2010, trường đã được đầu tư xây dựng hoàn thiện với qui mô trường mầm non đạt chuẩn quốc gia cấp Tỉnh, với 10 phòng học, 10 phòng ngủ, công trình vệ sinh khép kín, nam, nữ riêng biệt. Trường có hội trường lộ thiên để trẻ sinh hoạt tập thể, có các phòng chức năng như; phòng dạy Kidsmart, phòng âm nhạc, phòng họp hội đồng, Phòng y tế và khu nhà hiệu bộ, ngoài ra nhà trường còn có khu bếp ăn theo qui định một chiều, trường có sân chơi bóng mát, có đồ chơi ngoài trời.

Năm học 2023-2024 nhà trường huy động được 317 trẻ ra lớp. Trong đó mẫu giáo 291 trẻ; nhà trẻ 26 trẻ. Tổng số học sinh DTTS: 134; trẻ 5 tuổi ra lớp 109/109 trẻ ra lớp, đạt 100%, Tổng số nhóm, lớp: 12 nhóm, lớp trong đó 1 nhóm trẻ 24-36 tháng, 11 lớp mẫu giáo (3 lớp MG 5-6 tuổi, 3 lớp MG 4-5 tuổi, 2 lớp MG 3-4 tuổi, 1 lớp MG Ghép 3,4 tuổi, 1 lớp MG Ghép 3,4,5 tuổi, 1 lớp MG Ghép 4,5 tuổi)

Trẻ học bán trú hai buổi trên ngày: 317/317 trẻ.

Tổng số học sinh chia theo nhóm lớp: Trẻ 24- 36 tháng tuổi 1 nhóm 26 trẻ; Trẻ 5-6 tuổi: 109 trẻ; Trẻ 4-5 tuổi: 96 trẻ; Trẻ 3-4 tuổi: 86 trẻ.

Tổng số CB-GV-NV: 37 người. Trong đó: Ban giám hiệu 3, giáo viên 25, nhân viên 9: kế toán: 01, văn thư: 01, lao công 01, bảo vệ 01, cấp dưỡng 05. GV đạt trình độ chuẩn: 100% trong đó trên chuẩn: 15/25 tỉ lệ đạt 60%. NV được đào tạo nghiệp vụ như: kế toán, văn thư 2/2 tỉ lệ đạt 100%, nhân viên cấp dưỡng được đào tạo kỹ thuật chế biến món ăn: 3/5 tỉ lệ 60%.

* Thuận lợi:

Nhà trường thường xuyên được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương, ngành Giáo dục. Cơ sở trường được xây dựng khang trang sạch đẹp, được trang bị đầy đủ các phương tiện dụng cụ nuôi dạy trẻ. Nhà trường được UBND Huyện biên chế đủ 2 giáo viên/lớp. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình yêu nghề mến trẻ, trường có đội ngũ giáo viên giỏi cấp huyện, cấp tỉnh bình quân mỗi năm ít nhất là 2 giáo viên cấp huyện, 2 giáo viên cấp tỉnh, ban giám hiệu có kinh nghiệm quản lý chỉ

đạo chuyên môn, nhà trường có hội cha mẹ học sinh nhiệt tình phối hợp chặt chẽ trong việc tổ chức chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Nội bộ nhà trường đoàn kết thống nhất cao, nhiều năm liền giữ vững danh hiệu tập thể lao động tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh, có uy tín đối với đảng, chính quyền địa phương, với nhân dân, được cha mẹ học sinh tin cậy.

*** Khó khăn:**

Bên cạnh những thuận lợi trên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà trường vẫn có những khó khăn như sau: Địa bàn trường rộng không tập trung, một số điểm lẻ nằm rải rác theo các thôn khối. Điều kiện kinh tế một số phụ huynh tại làng Kon Cheo và khối 2 còn khó khăn dẫn đến trẻ trong độ tuổi suy dinh dưỡng hàng năm vẫn còn, việc huy động phụ huynh cho trẻ ăn ở bán trú gặp nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tại các điểm lớp còn thiếu so với quy định. Hệ thống máy tính sử dụng cho công tác quản lý và công tác chăm sóc, giáo dục trẻ không đảm bảo. Phòng học tại khối 1 không đủ diện tích, quy cách không đúng tiêu chuẩn, sân chơi bụi, chung khuôn viên với tiểu học, công trình vệ sinh không khép kín.

2. Mục đích tự đánh giá:

Xác định trường mầm non đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường . Có hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khoa học cấp trường, có

chi bộ Đảng trực thuộc Đảng Ủy thị trấn Đăk Tô, có các đoàn thể như công đoàn, đoàn thanh niên, có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng, 3 tổ chuyên môn, 1 tổ văn phòng, 1 tổ cấp dưỡng. Có 12 nhóm, lớp được phân chia theo đúng độ tuổi và học hai buổi trên ngày. Có đủ hồ sơ, sổ sách và được lưu trữ theo quy định. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Có kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học. Có các biện pháp quản lý chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ và các hoạt động giáo dục khác; thực hiện quản lý chuyên môn, kiểm tra nội bộ theo quy định. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trong trường học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên Hội đồng trường(Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển trường, lớp giai đoạn 2020-2025, hằng năm đều xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non để giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp 1, được

quy định tại Luật giáo dục(Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/ VBHN-VPQH ngày 31/12/2015, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01];[H1-1.1-02].

b) Kế hoạch phát triển trường, lớp giai đoạn 2020-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học của nhà trường được xác định bằng văn bản và được phòng GD&ĐT huyện phê duyệt. [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

c) Kế hoạch phát triển trường, lớp giai đoạn 2020-2025 và phương hướng nhiệm vụ năm học của nhà trường được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai [H1-1.1-03]

Mức 2:

Hàng năm nhà trường đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển: Các giải pháp được đưa ra cụ thể kế hoạch công tác năm học và biên bản họp hội đồng trường [H1-1.1-04], [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ, cộng đồng [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển trường, lớp, phương hướng nhiệm vụ năm học phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực của nhà trường. Định kì có rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng nhiệm vụ phù hợp, kịp thời, có sự tham gia đóng góp ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ, cộng đồng.

3. Điểm yếu: Việc phối hợp với cha mẹ trẻ trong công tác xây dựng kế hoạch phát triển trường, lớp, phương hướng nhiệm vụ năm học đôi lúc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được, phối hợp tốt hơn với cha mẹ trẻ trong công tác xây dựng kế hoạch phát triển trường, lớp, phương hướng nhiệm vụ năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Hội đồng trường trường Mầm non Bình Minh được thành lập theo quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2023 gồm các thành viên: Hiệu trưởng, Chủ tịch UBND thị trấn, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCSHCM, tổ trưởng tổ chuyên môn lớp MG 5-6 tuổi, tổ trưởng tổ văn phòng, trưởng ban đại diện cha mẹ trẻ em. Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật, ban kiểm tra nội bộ, hội đồng tuyển sinh, hội đồng khoa học cấp trường. Các hội đồng này được thành lập ra nhằm tư vấn giúp hiệu trưởng về chuyên môn, quản lý nhà nước. Nhiệm vụ quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do hiệu trưởng quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03];

b. Hội đồng trường Trường Mầm non Bình Minh và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 18,19 Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-04].

c. Hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác được thường xuyên rà soát, đánh giá theo định kỳ được thể hiện thông qua biên bản các cuộc họp của từng hội đồng [H1-1.1-05].

Mức 2:

Nhà trường thành lập ra các hội đồng, hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường, thể hiện ở báo cáo tổng kết của nhà trường [H1-1.2-04]

2. Điểm mạnh:

Hội đồng nhà trường được thành lập theo quy định và có hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật, hội đồng khoa học. Các hội đồng thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định Điều 18,19 Điều lệ trường mầm non. Việc thực hiện nhiệm vụ của hội đồng nhà trường được thường xuyên rà soát, đánh giá theo định kỳ. Các

hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường

3. Điểm yếu: Trong quá trình làm việc các hội đồng đôi lúc chưa đánh giá kịp thời nên hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng: Phát huy và duy trì các hoạt động của các hội đồng theo đúng quy định, các hội đồng cần theo dõi chặt chẽ và đánh giá kịp thời để nâng cao hiệu quả.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Các đoàn thể trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn cơ sở trực thuộc Liên đoàn lao động huyện Đắk Tô gồm có 37 đoàn viên công đoàn.

Có tổ chức đoàn TNCS Hồ Chí Minh trực thuộc đoàn thị trấn Đắk Tô với tổng số 18 đoàn viên thanh niên. [H1-1.3-01], [H1-1.3-02].

b) Công đoàn, đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục. Năm học 2023-2024, Ban chấp hành chi đoàn đã tổ chức được nhiều hoạt động thiết thực, sôi nổi, phối hợp với Đoàn Thanh niên thị trấn Đắk Tô triển khai xây dựng công trình thanh niên "Vi hạnh phúc của bé" tại điểm trường Khôi 1 với tổng số tiền 8.000.000 đồng. [H1-1.3-03], [H1-1.3-04] .

c) Hàng năm các hoạt động của Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được rà soát, đánh giá theo định [H1-1.2-04] .

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng đảng viên để thành lập chi bộ: gồm Bí thư chi bộ, phó bí thư chi bộ và các đảng viên. Chi bộ hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong 5 năm liên tục từ năm 2019 đến năm 2024 có 02 năm liền chi bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06] .

b) Hàng năm Công đoàn, Đoàn thanh niên đã đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường như: phối hợp tổ chức các phong trào thi đua: Hội thi văn nghệ, hội thi giáo viên giỏi các cấp, hội thi đồ dùng dạy học các cấp; tham gia các hoạt động nhân ngày: Ngày 20-10, 20-11, 8-3, ngày hội bé đến trường, ngày hội bé vào hè [H1-1.2-04] .

Mức 3

a) Trong 5 năm liên tục từ năm 2019 đến năm 2024 có 02 năm liền chi bộ được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06] .

b) Hàng năm Công đoàn, Đoàn thanh đã đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng, mang lại hiệu quả cao: như tham gia hội thi văn nghệ, hội thi giáo viên giỏi các cấp, hội thi đồ dùng dạy học các cấp, tham gia hiến máu nhân đạo, thứ 7 tình nguyện [H1-1.2-04] .

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có các tổ chức như: Chi bộ Đảng, công đoàn, đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức hoạt động trong nhà trường theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

Trong 5 năm liên tiếp chi bộ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, có 2 năm liên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hàng năm Công đoàn, đoàn thanh niên đã đóng góp tích cực vào các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đã đạt được. Trong năm học 2024-2025, tham mưu với đoàn thị trấn có kế hoạch bồi dưỡng về kỹ năng nghiệp vụ trong công tác đoàn cho ban chấp hành chi đoàn trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a. Nhà trường có 1 hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng theo quy định tại thông tư liên tịch số 06/2015-TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục

khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. [H1-1.4-01].

b. Nhà trường có 3 tổ chuyên môn gồm: Tổ mẫu giáo 3-4 tuổi, nhà trẻ; tổ mẫu giáo 4-5 tuổi; tổ mẫu giáo 5-6 tuổi, có 1 tổ văn phòng và 1 tổ cấp dưỡng. Trong đó mỗi tổ chuyên môn có 1 tổ trưởng chuyên môn. Các tổ trưởng chuyên môn đều là giáo viên cốt cán, đã đạt giáo viên giỏi từ cấp huyện, cấp tỉnh. Tổ văn phòng gồm có các nhân viên: 1 kế toán, 1 văn thư, 1 lao công, 1 bảo vệ [H1-1.4-02].

c. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có kế hoạch hoạt động theo quy định cụ thể như sau: Tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ theo kế hoạch năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ trường mầm non như: Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức các chuyên đề, tổ chức tiết dạy mẫu, các tiết thao giảng cho giáo viên dự. Tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và quản lý sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Cuối năm tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; đề xuất với nhà trường khen thưởng kịp thời cho giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần.

Tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động của tổ theo tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ em. Thực hiện các nhiệm vụ: Giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; Thực hiện kiểm tra đánh giá chất lượng hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; Tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên; sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần. Trong quá trình hoạt động, một số tổ trưởng chưa phát huy được hết vai trò tổ trưởng, điều hành các hoạt động của tổ đôi lúc chưa chặt chẽ, chưa khoa học. [H1-1.4-03];[H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hàng năm tổ chuyên môn đều đề xuất được 1 chuyên đề chuyên môn. Năm học 2023-2024, các tổ tiếp tục thực hiện chuyên đề xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm, tiếp thu và thực hiện tốt các chuyên đề triển khai trong năm học đã góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.2-04].

b) Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh, phù hợp [H1-1.2-04].

Mức 3:

a) Hoạt động theo nề nếp của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04].

b) Các tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn như: Chuyên đề ứng dụng phương pháp giáo dục STEAM trong thực hiện Chương trình GDMN, chuyên đề xây dựng trường Mầm non lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, lồng ghép dinh dưỡng vào các chủ đề, Tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ theo tiếp cận đa văn hóa,... góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, có tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện nhiệm vụ theo quy định điều lệ trường mầm non. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong quá trình hoạt động, một số tổ trưởng chưa phát huy được hết vai trò tổ trưởng, điều hành các hoạt động của tổ đôi lúc chưa chặt chẽ, chưa khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 tổ trưởng chuyên môn cần phát huy hết vai trò tổ trưởng, cần chặt chẽ hơn trong công tác điều hành hoạt động của tổ.

5. Tự đánh giá tiêu chí: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép.

b. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c. Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Hàng năm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong nhà trường được phân chia theo độ tuổi, theo quy định tại điều lệ trường mầm non; năm học 2023-2024 nhà trường có 12 nhóm, lớp. Trong đó có 1 nhóm trẻ 24-36 tháng, 11 lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi: 2 lớp MG 3-4 tuổi, 3 lớp MG 4-5 tuổi, 3 lớp MG 5-6 tuổi; 1 lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi, 1 lớp MG ghép 4,5 tuổi, 1 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi. [H1-1.5-01]

b. Hàng năm nhà trường tổ chức cho tất cả các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo học 2 buổi trên ngày. Năm học 2023-2024 có 12/12 nhóm, lớp mẫu giáo trong nhà trường được tổ chức học 2 buổi trên ngày [H1-1.5-02]

c. Năm học 2019-2020 có 1 trẻ khuyết tật học lớp MG 5-6 tuổi A; năm học 2020-2021, 2021- 2022, 2022- 2023, 2023- 2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. [H1-1.5-03]

Mức 2:

Hàng năm nhà trường phân chia số lượng trẻ em trong các nhóm, lớp theo đúng độ tuổi. Năm học 2023- 2024 nhà trường có tổng số trẻ là 317/12 nhóm, lớp. Trong đó có 1 nhóm trẻ 24-36 tháng, 11 lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi: 2 lớp MG 3-4 tuổi, 3 lớp MG 4-5 tuổi, 3 lớp MG 5-6 tuổi; 1 lớp mẫu giáo ghép 3,4 tuổi, 1 lớp MG ghép 4,5 tuổi, 1 lớp mẫu giáo ghép 3,4,5 tuổi. Hầu hết các nhóm, lớp số trẻ đúng theo quy định [H1-1.1-01]

Mức 3:

Hàng năm nhà trường có không quá 20 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Năm học 2023-2024 nhà trường có 12 nhóm, lớp trong đó có 1 nhóm trẻ 24-36 tháng và 11 lớp mẫu giáo [H1-1.1-01]

2. Điểm mạnh:

Hàng năm các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trong nhà trường được phân chia theo đúng độ tuổi, 12/12 nhóm, lớp mẫu giáo được học 2 buổi trên ngày, mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không có trẻ khuyết tật học hoà nhập.

3. Điểm yếu:

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục duy trì số lượng trẻ trong các lớp mẫu giáo đảm bảo theo đúng quy định Điều lệ trường mầm non.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

- a. Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b. Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường
- b. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a. Nhà trường thiết lập hệ thống hồ sơ, văn bản và được lưu trữ đầy đủ theo qui định của luật lưu trữ, sắp xếp một cách khoa học, rõ ràng, thuận tiện cho việc tra cứu [H1-1.6-01]
- b. Hàng năm nhà trường đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai minh bạch trước hội đồng nhà trường, phụ huynh học sinh và niêm yết công khai trên bảng thông tin của nhà trường. Định kỳ có tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.4-04]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04]
- c. Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, có hiệu quả để phục vụ hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ theo qui định của Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-04]

Mức 2:

a. Hàng năm nhà trường tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng có hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: tiếp nhận thông tin và báo cáo kết quả với cấp trên thông qua hộp thư điện tử, sử dụng các phần mềm cơ sở dữ liệu, phần mềm misa [H1-1.6-05], [H1-1.6-06]

b. Trong 05 năm từ năm 2019 đến năm 2024 qua các đợt đoàn về kiểm tra , thanh tra, kiểm toán đã kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-01]

Mức 3:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp như: Huy động các khoản đóng góp từ phụ huynh để chi phí cho các hoạt động giáo dục, công tác bán trú phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-07]

2. Điểm mạnh:

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo qui định, sắp xếp một cách khoa học, rõ ràng, thuận tiện cho việc tra cứu. Hàng năm nhà trường có kế hoạch lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai , định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định, quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Có kế hoạch để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp để chi phí cho các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

3. Điểm yếu.

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường thực hiện kiểm kê tài sản và thực hiện lưu trữ, ghi sổ tài sản cho khoa học phù hợp với điều kiện thực tế hàng năm. Bộ phận kế toán tiếp tục học tập nâng cao trình độ sử dụng phần mềm trong quản lý tài chính, tài sản, quản lý hồ sơ kế toán của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a. Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Mức 3:

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp tập huấn do phòng, sở tổ chức để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhân viên cấp dưỡng được tham gia các lớp tập huấn về vệ sinh ATTP trong khâu chế biến thức ăn cho trẻ. Nhà trường thường xuyên tổ chức triển khai chuyên đề cấp trường, Tham gia tập huấn các chuyên đề cấp huyện cho cán bộ quản lý, giáo viên học hỏi trau dồi chuyên môn. Có kế hoạch học bồi dưỡng thường xuyên theo từng module. [H1-1.7-01].

b. Hàng năm hiệu trưởng ra quyết định phân công chuyên môn rõ ràng hợp lý, phù hợp với khả năng và năng lực chuyên môn của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên, đảm bảo hiệu quả [H1-1.7-02].

c. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên của nhà trường được đảm bảo các quyền theo qui định tại điểm d khoản 1, 2 điều 10 và khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 điều 29 của điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT) [H1-1.1-02]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường đưa ra nhiều biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.7-01]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Sử dụng và phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo qui định tại điểm d khoản 1, 2 điều 10 và khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 điều 29 của điều lệ trường mầm non (Thông tư số 52/TT- BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GD&ĐT).

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên mới, nhân viên chưa linh hoạt trong quá trình nắm bắt và thực hiện nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tăng cường các biện pháp bồi dưỡng chuyên môn, tăng cường kiểm tra, giám sát, dự giờ tư vấn kịp thời để nâng cao chất lượng và chuyên môn cho giáo viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a. Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. [H1-1.8-01].

b. Nhà trường thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục từng độ tuổi của nhà trường, giáo viên lên kế hoạch và soạn giảng đảm bảo chất lượng, thực hiện đúng lịch sinh hoạt [H1-1.5-02].

c. Định kỳ nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục phù hợp theo đúng độ tuổi [H1-1.8-03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường và chuyên môn luôn có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá giáo viên đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ thông qua

các hoạt động dự giờ ban giám hiệu nhà trường kịp thời tư vấn, nhắc nhở để giáo viên điều chỉnh phương pháp và kế hoạch cho phù hợp. Qua các đợt kiểm tra chuyên ngành của phòng GD&ĐT nhà trường đều được đánh giá đạt hiệu quả cao [H1-1.6-01].

2. Điểm mạnh:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường xây dựng phù hợp với với quy định hiện hành, điều kiện của địa phương và của nhà trường. Giáo viên lên kế hoạch và soạn giảng nghiêm túc, đầy đủ, đảm bảo. Qua kiểm tra đánh giá của cấp trên việc thực hiện kế hoạch của nhà trường được đánh giá tốt.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng;

Tiếp tục duy trì và phát huy kết quả đã đạt được trong những năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

1.1. Mức 1:

a. Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường (theo quy định tại quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022

và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở) thông qua hội nghị viên chức, người lao động. Một số giáo viên, nhân viên còn rụt rè, chưa mạnh dạn trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy của nhà trường [H1-1.1-05].

b. Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường đều được giải quyết đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật [H1-1.9-02].

c. Hằng năm nhà trường có báo cáo công tác thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.2-04].

Mức 2:

Việc thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường được công khai, minh bạch và hiệu quả. Ban thanh tra hoạt động công khai đã phối hợp thực hiện tốt chức năng kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ. Nhà trường có hòm thư góp ý để cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh góp ý. [H1-1.2-04]; [H1-1.9-03].

2. Điểm mạnh:

Tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường đều được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường trong hội nghị viên chức, người lao động đầu năm học. Các khiếu nại kiến nghị phản ánh của cán bộ giáo viên nhân viên trong nhà trường đều được giải đáp kịp thời đúng quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên, nhân viên còn rụt rè, chưa mạnh dạn trong việc tham gia đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cần phát huy tốt vai trò của từng cá nhân trong việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường, nêu cao tinh thần phê và tự phê của cán bộ giáo viên trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và

phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a. Nhà trường làm tốt công tác trật tự an ninh, các điểm trường đều có cổng trường an toàn và tường rào bao quanh ngăn cách giữa trường với các hộ dân, cơ quan liền kề. Hằng ngày nhà trường tiếp nhận hơn 300 học sinh với hơn 600 lượt phụ huynh ra vào, để làm tốt an ninh nhà trường hợp đồng một nhân viên bảo vệ có kinh nghiệm lâu năm. Nhà trường có hợp đồng tiếp phẩm với các đơn vị, doanh nghiệp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, có uy tín trên địa bàn huyện. Hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở GDMN; Thực hiện việc giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các cơ sở GDMN theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ GDĐT về hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, có phương án và dụng cụ phòng chống cháy nổ. Có kế hoạch phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường trong nhà trường theo nghị định số 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường. Nhà trường được cấp giấy chứng nhận đủ điều

kiện an toàn thực phẩm. [H1-1.10-01; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04];[H1-1.10-05]; [H1-1.10-06].

b. Nhà trường có hòm thư góp ý, điện thoại để tiếp nhận, xử lý kịp thời các thông tin phản ánh của phụ huynh học sinh và người dân. Đã tăng cường công tác bảo đảm toàn tuyệt đối cho trẻ trong vui chơi cũng như học tập, bảo đảm an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong quá trình làm việc, cấp bảo hộ lao động cho nhân viên cấp dưỡng. Bộ nấu ăn an toàn có tấm chắn nóng. Báo cáo tổng kết năm học hằng năm có thể hiện sự đánh giá đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ và cán bộ giáo viên, nhân viên của nhà trường [H1-1.10-07]; [H1-1.2-04].

c. Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.2-04]; [H1-1.10-08].

Mức 2:

a. Hằng năm nhà trường tổ chức phổ biến hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ thực hiện các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-09]; [H1-1.10-06].

b. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã thành lập Ban chỉ đạo y tế học đường, Ban chỉ đạo phòng chống tai nạn thương tích, có các kế hoạch, thực hiện tốt công tác đảm bảo về an ninh trật tự trong trường mầm non, có nhân viên bảo vệ 24/24h hàng ngày, có kế hoạch phòng tránh tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ trong nhà trường, đảm bảo đưa đón trẻ an toàn tuyệt đối với 100% các nhóm lớp.

3. Điểm yếu

Việc trang bị một số vật tư, trang thiết bị y tế, phòng chống cháy nổ còn hạn hẹp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy vai trò của Ban y tế học đường, Ban chỉ đạo phòng chống tai nạn thương tích trong trường mầm non. Duy trì việc trực trường thường xuyên nghiêm túc để đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Trường Mầm non Bình Minh thị trấn ĐăkTô có cơ cấu tổ chức bộ máy 01 Hiệu trưởng, 2 phó Hiệu trưởng, có đầy đủ các tổ chuyên môn. Nhà trường có 317 trẻ ra lớp biên chế 12 lớp, nhóm, được học đúng độ tuổi. 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, có 317 trẻ ăn ở bán trú tại trường, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn điều lệ. Trường MN Bình Minh luôn bám sát các nội dung của tiêu chuẩn, chỉ đạo CB-GV-NV thực hiện tốt đường lối chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước về qui định giáo dục mầm non, thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào thi đua do ngành, địa phương phát động, có kế hoạch kiểm tra, đôn đốc việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ hằng ngày. Ban giám hiệu nhà trường luôn thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ của mình, quản lý toàn bộ các hoạt động chuyên môn của nhà trường theo kế hoạch của bộ GD&ĐT. Cập nhật và đổi mới phương pháp GD trẻ, kế hoạch được xây dựng sát với thực tế phù hợp với đối tượng học sinh, có tính khả thi.

Có kế hoạch quản lý tài chính tài sản nhà trường theo đúng nguyên tắc, và qui định của nhà nước. Chú trọng chăm lo đến sức khỏe của CB-GV-NV và H/S, đảm bảo an ninh trật tự trong sân trường, bảo đảm an toàn tính mạng cho trẻ.

Có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, thực hiện tốt qui chế dân chủ, tổ chức và quản lý nhà trường hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Đội ngũ CB- GV-NV đoàn kết, nhiệt tình năng nổ, có tinh thần trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, giáo viên có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 10

+ Số tiêu chí đạt: 10

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua trường Mầm non Bình Minh luôn đạt những thành tích xuất sắc là nhờ công sức của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. BGH nhà trường đủ trình độ, năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, gương mẫu để lãnh đạo nhà trường. Cán bộ giáo viên toàn trường đạt trình độ chuẩn trở lên. Có kiến thức cơ bản về giáo dục mầm non; thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định của Bộ GD&ĐT; Hằng năm cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên cấp dưỡng được tham gia

các lớp tập huấn về vệ sinh ATTP trong khâu chế biến thức ăn cho trẻ. Cán bộ, giáo viên và nhân viên của nhà trường được đánh giá xếp loại công chức, viên chức hằng năm và được đảm bảo các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a). Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều có trình độ đào tạo trên chuẩn có bằng ĐHSPMN. Đồng chí hiệu trưởng có thời gian công tác 37 năm, thời gian làm quản lý là 22 năm. Hai phó hiệu trưởng, 1 phó hiệu trưởng thời gian công tác 28 năm, thời gian làm quản lý 10 năm; 1 phó hiệu trưởng thời gian công tác 16 năm, thời gian làm quản lý 10 năm. Các đồng chí trong BGH đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục; có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức quản lý nhà trường và đều có sức khỏe tốt. [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]

b). Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non và kết quả xếp loại đạt khá, tốt. [H2-2.1-03]

c). Hằng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do Phòng GD&ĐT

huyện Đăk Tô, sở GD&ĐT tỉnh Kon Tum tổ chức như bồi dưỡng chuyên đề hè, bồi dưỡng CBQL cốt cán, các chuyên đề mới trong năm học [H2-2.1-04]

Mức 2:

a). Trong 05 năm liên tiếp từ 2019 đến 2024, Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng ở mức khá, tốt.

[H2-2.1-03]

b). Đồng chí hiệu trưởng và 1 đ/c phó hiệu trưởng đã có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị; 1 đ/c phó hiệu trưởng đã có bằng sơ cấp lý luận chính trị; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường luôn được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06]

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp từ 2019 đến 2024 hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường đều đạt chuẩn ở mức khá trở lên, trong đó 2 năm liên tiếp đạt chuẩn ở mức tốt [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của nhà trường đều có trình độ trên chuẩn, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức quản lý nhà trường và đều có sức khỏe tốt, có uy tín cao trong đội ngũ giáo viên và nhân viên. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non và đạt ở mức khá, tốt; trong đó nhiều năm liên đạt ở mức tốt. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị theo quy định.

3. Điểm yếu:

Vẫn còn 1 đ/c phó hiệu trưởng chưa tham gia lớp bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2024-2025 tạo điều kiện để đ/c phó hiệu trưởng tham gia lớp bồi dưỡng trung cấp lý luận chính trị.

BGH thường xuyên trau dồi, tự bồi dưỡng về năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, không ngừng tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, giữ vững uy tín trong đội ngũ giáo viên và nhân viên của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3 :

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ đội ngũ giáo viên, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định; Năm 2023-2024 nhà trường có 25 giáo viên trực tiếp đứng lớp/ 12 nhóm lớp [H2-2.2-01]; [H1-1.7-02]

b) 100% giáo viên của nhà trường có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên theo quy định tại Điều lệ trường Mầm non. [H2-2.2-03].

c) Nhà trường có 100% Giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên [H2-2.2-04].

Mức 2:

a) Năm học 2023-2024 nhà trường có 60 % giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo. Trong 5 năm liên tiếp từ năm học 2019 - 2020 đến nay, tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt được duy trì ổn định và có tăng dần theo từng năm học. [H2-2.2-03] .

b) Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có 60,6% giáo viên của trường được đánh giá chuẩn đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non[H2-2.2-04] .

c) Trong 05 năm liên tiếp từ 2019 đến 2024, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-05].

Mức 3:

a) Năm học 2023-2024 nhà trường có 60 % giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [H2-2.2-03] .

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 60,6% giáo viên của trường được đánh giá chuẩn đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có 26 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đội ngũ giáo viên để thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ, 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định theo Điều lệ trường mầm non. Có 100 % giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên. Nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu:

Nhà trường vẫn còn 40 % giáo viên chưa đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, năm học 2023-2024 tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức Khá trở lên còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được. Tạo mọi điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; động viên, khuyến khích giáo viên tự học, tự rèn theo các tiêu chí của chuẩn nghề nghiệp. Phân đầu năm học 2024-2025 nâng tỉ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, nâng tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn ở mức Khá, Tốt.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng :

Mức 1:

a) Nhà trường có 9 nhân viên đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công trong đó có 1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 5 nhân viên cấp dưỡng, 1 nhân viên lao công, 1 nhân viên bảo vệ [H2-2.2-01] .

b) Các nhân viên được phân công nhiệm vụ phù hợp, hợp lý theo năng lực chuyên môn [H1-1.7-02]

c) Trong năm học, 9/9 nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.3-03]; [H1-1.1-05]

Mức 2:

a). Nhà trường có 9 nhân viên đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công trong đó có 1 nhân viên kế toán, 1 nhân viên văn thư kiêm thủ quỹ, 5 nhân viên cấp dưỡng, 1 nhân viên lao công, 1 nhân viên bảo vệ đảm bảo đủ theo Quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BN ngày 16/03/2015 của Bộ GDĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. [H2-2.2-01] .

b) Trong 5 năm từ năm 2019 đến năm 2024 tất cả các nhân viên đều hoàn thành nhiệm vụ trở lên không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-03]

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có bằng cao đẳng chuyên ngành quản trị kinh doanh, nhân viên văn thư có bằng đại học chuyên ngành hành chính-văn thư. Nhân viên cấp dưỡng có giấy chứng nhận về VSATTP và chứng chỉ sơ cấp bậc 1 kỹ thuật chế biến món ăn. Vẫn còn một số nhân viên cấp dưỡng chưa có chứng chỉ kỹ thuật chế biến món ăn, nhân viên bảo vệ chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ [H2-2.3-05]; [H2-2.3-06]

b) Hàng năm nhà trường tạo mọi điều kiện cho nhân viên kế toán, văn thư, cấp dưỡng tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khi có văn bản triệu tập huấn của cấp trên [H2-2.3-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định, đa số nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng với vị trí việc làm. Được phân công công việc phù hợp hợp lý theo năng lực, chuyên môn của từng người; hàng năm nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm được phân công. Đội ngũ nhân viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu:

Một số nhân viên cấp dưỡng chưa có chứng chỉ kỹ thuật chế biến món ăn. Nhân viên bảo vệ chưa được tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tạo điều kiện, khuyến khích, động viên những nhân viên cấp dưỡng chưa có chứng chỉ tham gia học các lớp dạy nghề để có chứng chỉ kỹ thuật chế biến món ăn trong năm học 2024 – 2025. Tạo điều kiện cho nhân viên bảo vệ tham gia các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ nếu có.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Cán bộ quản lý nhà trường đều đạt các yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường mầm non, có đủ năng lực để triển khai các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; có phẩm chất đạo đức tốt, được cấp trên, giáo viên, nhân viên trong nhà trường và nhân dân tín nhiệm. 100% số giáo viên đạt trình độ trên chuẩn trong đó có 60 % giáo viên đạt trên chuẩn. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc giáo dục trẻ theo Chương trình Giáo dục mầm non, chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng hè, bồi dưỡng chuyên đề và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường được triển khai mạnh mẽ và có hiệu quả. Năm học 2023-2024, nhà trường đã được UBND Huyện Đắk Tô biên chế thêm 11 giáo viên mới, đảm bảo đủ 2 giáo viên/ lớp. Tuy nhiên đội ngũ giáo

viên tay nghề chưa đồng đều, phần đa là giáo viên tuổi đời còn trẻ, mới ra trường nên còn hạn chế về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên kế toán, văn thư, bảo vệ, lao công theo quy định. Nhân viên kế toán, văn thư đều có bằng cấp theo đúng quy định và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường đạt danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sỹ thi đua từ cấp cơ sở trở lên hàng năm đều cao. Tỷ lệ giáo viên xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đảm bảo yêu cầu. Nhà trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. Cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác khi đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được bảo vệ nhân phẩm, danh dự; được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 3**

+ **Số tiêu chí đạt: 3**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trong những năm qua, nhà trường thường xuyên đầu tư về cơ sở vật chất theo hướng ngày càng hiện đại, xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm tạo cảnh quan khuôn viên nhà trường xanh - sạch - đẹp. Nhà trường có diện tích đất rộng ở địa thế đẹp, các công trình được xây dựng kiên cố. Khuôn viên nhà trường, sân, vườn và khu vực cho trẻ chơi đảm bảo yêu cầu.

Các phòng học, phòng sinh hoạt chung, bếp ăn, hệ thống cấp thoát nước, khu vệ sinh đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo yêu cầu quy định.

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi cho giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho GDMN do Bộ giáo dục và đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có diện tích đất xây dựng theo quy định tại điểm b, khoản 2, điều 5 nghị định 46/2017/NĐ/CP ngày 21/4/2017 (diện tích khu đất xây dựng đảm bảo bình quân tối thiểu 8m^2 cho 1 trẻ), cụ thể: Tại điểm trung tâm có diện tích đất là 6.082m^2 tổng số học sinh trung tâm là 239 cháu, diện tích đất sử dụng bình quân là $25,4\text{m}^2$ cho 1 trẻ, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điểm trường khối 1 có diện tích $1.028,6\text{m}^2$, tổng số học sinh ở điểm trường khối 1 là 59 học sinh, diện tích đất sử dụng bình quân là $17,4\text{m}^2$ cho 1 trẻ; điểm trường khối 2 có diện tích $1.487,8\text{m}^2$ với tổng số học sinh là 19 trẻ, diện tích bình quân là $78,3\text{m}^2$ cho 1 trẻ. Điểm trường trung tâm được xây dựng kiên cố, hai điểm trường lẻ được xây dựng bán kiên cố.

[H3- 3.1- 01].

b) Điểm trường trung tâm và điểm trường khối 1, khối 2 đều có cổng, biển tên trường theo quy định, có khuôn viên lớp, có tường bao quanh. Các khuôn viên tại các điểm trường được trồng cây xanh, hoa, cây cảnh. Điểm trường khối 1 còn chung với trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, chưa có cổng và biển tên riêng

[H3- 3.1- 02].

c) Các điểm trường đều có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; có sân chơi chung; 3/3 điểm trường có sân chơi được đổ bê tông bằng phẳng, sạch sẽ, tạo được môi trường an toàn, thân thiện, phù hợp cảnh quan cho trẻ khi đến trường. Sân chơi- cây xanh được bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, đảm bảo an toàn cho trẻ và đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng. Riêng điểm trường khối 1 hàng lang của lớp nhỏ, sân chơi còn chung với trường tiểu học.

Mức 2:

a) Điểm trường trung tâm và điểm trường khối 2 có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định; sân chơi, cây xanh được quy hoạch, thiết kế phù hợp. Điểm trường khối 1 có diện tích xây dựng còn nhỏ.[H3- 3.1- 01].

b) Khuôn viên tại các điểm trường đều có tường bao ngăn cách với bên ngoài; các nhóm, lớp đều có sân chơi đảm bảo an toàn cho trẻ. Sân được lát gạch Błóc, lát xi măng, bằng phẳng. Trong trường có nhiều cây to tán rộng tạo bóng mát; có nhiều cây nhỏ và nhiều chậu cây cảnh các loại được trồng và sắp xếp hài hòa, thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa phù hợp tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Có vườn cây gồm nhiều loại cây cảnh, cây bóng mát, cây ăn quả, cây hoa phong phú, gần gũi với trẻ, có gắn biển tên. 12/12 nhóm, lớp xây dựng được góc thiên nhiên đẹp mắt, có vườn rau dành riêng cho trẻ chăm sóc, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Riêng điểm trường khối 1 chưa có vườn rau cho trẻ chăm sóc, trải nghiệm. [H3- 3.1- 02].

c) Điểm trường trung tâm có phân rõ khu vực chơi cho trẻ, có đủ thiết bị và có nhiều loại đồ chơi ngoài trời đảm bảo an toàn, phù hợp với trẻ như: Đu quay, cầu trượt, bập bênh, xích đu, khu liên hoàn thể chất đa năng, nhà bóng, khu vực phát triển vận động, khu vực chơi với cát, nước, khu bán hàng. Điểm trường khối 2 có một số đồ chơi ngoài trời theo quy định cho trẻ chơi. Riêng điểm trường khối 1 chưa có đồ chơi ngoài trời cho trẻ chơi theo quy định. Sân vườn luôn được vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo an toàn cho trẻ.[H3- 3.1- 03].

Mức 3:

Ở các điểm trường chưa có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Các lớp sử dụng sân chơi chung, hội trường để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động. Điểm trường trung tâm có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời. Riêng đối với 2 điểm trường lẻ chưa có đầy đủ thiết bị đồ chơi ngoài trời theo danh mục. Giáo viên ở tất cả các nhóm, lớp thường xuyên làm bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế để cho trẻ chơi, đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuy nhiên, số lượng đồ chơi ngoài trời tự làm chưa đa dạng, chưa phong phú. [H3- 3.1- 03].

2. Điểm mạnh:

Trường có diện tích đất đảm bảo theo quy định, các công trình xây dựng kiên cố và bán kiên cố. Các điểm trường đều có biển tên trường, tường, rào bao quanh, đảm bảo xanh- sạch- đẹp, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ, có cây xanh, cây cảnh được cắt tỉa đẹp, tạo bóng mát, có vườn cây ăn quả, có vườn rau cho trẻ chăm sóc, khám phá. Sân chơi có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định.

3. Điểm yếu:

Điểm trường khối 1 diện tích xây dựng còn nhỏ, còn chung với trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, chưa có cổng và biển tên riêng, hàng lang của lớp nhỏ, sân chơi còn chung với trường tiểu học, chưa có vườn rau cho trẻ chăm sóc, trải nghiệm. Các điểm trường lẻ chưa có đủ đồ chơi ngoài trời cho trẻ chơi theo quy định. Số lượng đồ chơi ngoài trời tự làm chưa đa dạng, phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2024- 2025 tiếp tục tham mưu với phòng GD&ĐT cấp thêm đồ chơi ngoài trời ở điểm khối 1 và khối 2 cho trẻ chơi. Chỉ đạo, phân công giáo viên tự làm 1 số đồ chơi ngoài trời đẹp, hấp dẫn, an toàn để trẻ thu hút đến trường, lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi.

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo) có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo qui định.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo qui định, được sắp xếp hợp lý an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 12 phòng học /12 nhóm, lớp đáp ứng cho 1 nhóm trẻ và 11 lớp mẫu giáo. [H1-1.5- 01], [H1-1.2-04]

b) Nhà trường có 12 phòng học là phòng sinh hoạt chung có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền được lát gạch hoa đảm bảo an toàn cho trẻ không trơn trượt. Các lớp học tại điểm trường trung tâm và Khối 2 có phòng ngủ riêng cho trẻ. Nơi ngủ của trẻ yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông: 100% các lớp đều có rèm che đảm bảo cho trẻ ngủ không bị ánh sáng chiếu vào. Nhà trường sử dụng hội trường đa năng làm phòng giáo dục thể chất, phòng sinh hoạt chung để tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật.

c) 12/12 nhóm, lớp và khu hiệu bộ có đầy đủ hệ thống đèn, điện, có hệ thống quạt. 12/12 nhóm, lớp có đủ tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng trang thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-03].

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ đạt chuẩn theo quy định tại điều lệ trường mầm non: Phòng sinh hoạt chung đủ diện tích, có đủ ánh sáng tự nhiên và thoáng, nền được lát gạch hoa đảm bảo an toàn cho trẻ không trơn trượt; phòng ngủ yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông: 100% các lớp đều có rèm che đảm bảo cho trẻ ngủ không bị ánh sáng chiếu vào, phòng có cửa sổ thoáng mát, có hệ thống quạt, có các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ: Giường, chiếu, chăn, gối. Nhà trường sử dụng hội trường đa năng làm phòng giáo dục thể chất, phòng sinh hoạt chung để tổ chức hoạt động giáo dục nghệ thuật.

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu của nhà trường, của các lớp đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường không có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có 12 phòng/ 12 nhóm, lớp. Các phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, trang trí đẹp, có đủ tủ, kệ đựng đồ dùng, đồ chơi; có phòng ngủ riêng, đảm bảo ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè, có các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ: Giường, chiếu, chăn, gối. Có đầy đủ hệ thống đèn, quạt

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học từ nay đến năm 2030 nhà trường sẽ có đầy đủ cơ sở vật chất theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị.

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định tại nghị định 46/2017/ NĐ-CP ngày 21/4/2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục: Có văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, 2 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1- 02]

b) Văn phòng nhà trường có đầy đủ bàn ghế, các bảng hiệu theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo. Phòng Hiệu trưởng có bàn ghế tiếp khách, có các phương tiện làm việc như máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ. Phòng phó hiệu trưởng có đầy đủ phương tiện làm việc (bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính, máy in). Phòng kế toán có

đầy đủ phương tiện làm việc (bàn ghế, máy vi tính, máy in, tủ hồ sơ). Phòng y tế có máy vi tính, tủ đựng hồ sơ, 1 tủ đựng các thiết bị y tế cần thiết (cân, cặp nhiệt độ, tai nghe, bông gạc, một số loại thuốc thông dụng). Các loại sổ sách theo dõi sức khỏe được đặt tại phòng y tế nhà trường. Phòng bảo vệ nhà trường có đầy đủ các dụng cụ phục vụ như bàn, ghế, ti vi. Trong năm học 2023-2024, nhà trường đã mua sắm, trang bị 2 máy vi tính cho Hiệu trưởng và nhân viên kế toán, mua 1 tủ đựng hồ sơ cho kế toán, 1 bộ bàn ghế tiếp khách cho phòng phó Hiệu trưởng. Máy vi tính của 1 phó hiệu trưởng hư hỏng, xuống cấp nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình làm việc [H3-3.1-03], [H3-3.2-03].

c) Nhà trường có 2 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, thuận tiện, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Văn phòng nhà trường có diện tích 47,6m²; Phòng Hiệu trưởng và phòng phó hiệu trưởng có diện tích 17m². Phòng kế toán có diện tích 22,6m². Phòng y tế có diện tích 22,6 m². Phòng bảo vệ nhà trường có diện tích 25,92 m². [H3-3.1-02]

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều có mái che bằng tôn đảm bảo an toàn, tiện lợi đi lại.

Mức 3:

Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định (Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng kế toán, phòng y tế, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho giáo viên, cán bộ, nhân viên, khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên) [H3-3.1-02]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ các loại phòng theo quy định, có văn phòng với diện tích rộng, có đủ bàn ghế hợp, có tủ văn phòng và các biểu bảng theo quy định. Phòng hiệu trưởng, hiệu phó với diện tích 17 m² và đủ đồ dùng, các phương tiện làm việc. Phòng y tế có tủ y tế với đầy đủ các trang thiết bị, các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và CB - GV - NV. Có phòng bảo vệ, phòng kế toán và nhà để xe cho CB - GV - NV theo quy định.

3. Điểm yếu:

Máy vi tính của 1 phó hiệu trưởng đã hư hỏng, xuống cấp nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình làm việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tham mưu với phòng GD&ĐT cấp thiết bị, phương tiện làm việc, máy vi tính trong năm học 2024-2025.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

- a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn,

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà bếp của trường được xây dựng kiên cố với diện tích 78m² gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn đảm bảo theo quy định. [H3-3.1- 02]
- b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm. [H1-1.10- 05]
- c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn hằng ngày của trẻ được đặt ở phòng y tế.

Mức 2:

Nhà bếp của trường được xây dựng theo quy trình một chiều gồm khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu chia thức ăn chín. Có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường, có dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm như các loại xoong inox, các loại bát thìa bằng inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, kho chứa thực phẩm, nồi hấp cơm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thực phẩm của trẻ em bán trú, có đủ nước sử dụng, nguồn nước đã được cơ quan y tế kiểm định. Đảm bảo việc xử lý các chất thải đúng quy định, đảm bảo yêu cầu phòng chống cháy nổ [H3-3.1- 02]; [H3-3.4-03]; [H3-3.4- 04].

Mức 3:

Nhà bếp của trường được xây dựng theo quy trình một chiều đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Bếp ăn của nhà trường thông thoáng đủ ánh sáng cửa sổ được lắp bằng kính sáng, trần nhà và sàn nhà nhẵn thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; bàn, ghế, các dụng cụ nấu ăn, chứa thức ăn, chén, muỗng, ly, khay đều là inox và nhựa cao cấp. Nhà bếp có tủ lạnh bảo quản thực

phẩm, nồi hấp cơm, có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng, có đầy đủ phương tiện phân loại thu gom và vận chuyển rác, thực phẩm, thức ăn thừa; có thùng đựng rác bằng nhựa, có nắp đậy và thuận tiện cho việc làm vệ sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.4-03]

2. Điểm mạnh:

Bếp ăn của nhà trường được xây dựng theo quy trình bếp ăn một chiều đảm bảo tiêu chuẩn, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

3. Điểm yếu:

Không có

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tiếp tục duy trì và sử dụng có hiệu quả bếp ăn của nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1- 03]; [H3-3.2- 03]

b) Ngoài các thiết bị đồ dùng, đồ chơi dạy học có trong danh mục quy định, hàng năm nhà trường còn mua bổ sung thêm một số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và giáo viên tự làm để phục vụ công tác giảng dạy đảm bảo tính an toàn, phù hợp với trẻ. [H3-3.1- 03]; [H3-3.2- 03]; [H3-3.5- 03].

c) Hàng năm, vào tháng 5 nhà trường tiến hành kiểm kê tài sản các nhóm lớp. Từ đó xây dựng kế hoạch sửa chữa đồ dùng, đồ chơi trong năm học mới sao cho phù hợp với kinh phí của nhà trường, tránh lãng phí [H3-3.5- 04]; [H3-3.5- 05]

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính của khu hiệu bộ như máy tính phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và nhân viên kế toán, y tế, văn thư đều được kết nối Internet để phục vụ công tác quản lý và các hoạt động dạy học. Hệ thống máy tính các lớp đã hư hỏng, giáo viên sử dụng máy tính xách tay để thực hiện công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ. Năm học 2022-2023, nhà trường được Phòng GD&ĐT trang bị cho 2 lớp 5 tuổi 2 ti vi thông minh. Năm học 2023-2024, nhà trường đã mua sắm, trang bị thêm 5 ti vi thông minh cho 4 lớp mẫu giáo, 1 nhóm trẻ, lắp đặt hệ thống Wifi, internet ở 2 dãy học để phục vụ công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

b) Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại điều lệ trường mầm non [H3-3.5- 03]

c) Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bổ sung, nâng cấp thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và chỉ đạo phân công giáo viên các lớp tự làm để phục vụ cho công tác giảng dạy [H3-3.1- 03]; [H3-3.2- 03]; [H3-3.5- 03]

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm thường xuyên được khai thác và sử dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Các thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định nhà trường mua bổ sung hàng năm được đưa vào sử dụng thường xuyên và mang lại hiệu quả cao [H3-3.5- 06]; [H3-3.5- 07]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, có các đồ dùng đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục an toàn. Phòng làm việc của ban giám hiệu, nhân viên văn thư, kế

toán, y tế được trang bị máy tính có kết nối hệ thống Internet để phục vụ công tác quản lý, lắp đặt hệ thống Wifi, internet ở 2 dãy học tại điểm trường trung tâm để phục vụ công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành kiểm kê sửa chữa mua sắm và bổ sung kịp thời. Bên cạnh đó, giáo viên thường xuyên làm, bổ sung một số đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục quy định và sử dụng có hiệu quả.

3. Điểm yếu:

Hệ thống máy vi tính các lớp đã hư hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục tham mưu với các cấp lãnh đạo, phòng GD&ĐT Huyện bổ sung các trang thiết bị dạy học như máy vi tính cho các lớp để phục vụ công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật.

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định.

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường có ba công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được xây dựng ở dãy trên, trên tầng 2 và sau khu hiệu bộ đảm bảo sạch sẽ, vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận tiện. Ở các lớp học khu trung tâm và

các lớp điểm lẻ khối 1, khối 2 đều có hệ thống phòng vệ sinh cho học sinh; riêng khu trung tâm các lớp có phòng vệ sinh khép kín dành riêng cho học sinh nam và học sinh nữ. Tất cả các phòng đều đảm bảo an toàn, thuận lợi khi sử dụng, đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm môi trường. Điểm lớp khối 2, bệ cầu to không phù hợp với đối tượng trẻ mầm non. Điểm trường khối 1 nhà vệ sinh chưa đảm bảo với số lượng học sinh [H3-3.1-02]; [H3-3.6- 02].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước ở các điểm trường, các khu vực đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường có ba giếng nước sạch ở khu trung tâm (một giếng khoan, hai giếng đào) đủ dùng để sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Ở các điểm khối 1, khối 2 đều có giếng nước sạch đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt cho giáo viên và trẻ. Nước uống dùng cho trẻ các nhóm nhà trẻ, lớp mẫu giáo điểm trung tâm và lớp mẫu giáo khối 2 là nước đun sôi, để nguội. 2 lớp mẫu giáo khối 1 nước uống của học sinh được lấy từ bình lọc nước sạch. [H3-3.1-02]; [H3-3.6- 02]; [H3-3.4- 04]

c) Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, cụ thể: Rác thải của học sinh ở các lớp được chứa đựng tạm thời trong thùng rác có nắp đậy, cuối ngày lao công sẽ đi thu gom rác và tập trung rác ở các thùng rác của công ty môi trường. Nhà trường bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời; các phương tiện, dụng cụ này đều thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng. Không có tình trạng rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.6- 04]

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo thuận tiện, xây dựng phù hợp với cảnh quan nhà trường. Đảm bảo theo quy định tại điều lệ trường mầm non. Cụ thể: Phòng vệ sinh cho trẻ em: Đảm bảo 0,4 – 0,6 m² cho một trẻ em; đối với các lớp mẫu giáo khu trung tâm, khối 1, khối 2 có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Phòng vệ sinh được xây dựng liền kề với phòng sinh hoạt chung, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát. Phòng vệ sinh nhóm trẻ 24-36 tháng có đầy đủ các thiết bị như: Vòi nước rửa tay; ghế ngồi bô; bệ xí cho trẻ em 24-36 tháng; bồn chứa nước. Đối với trẻ em mẫu giáo có đầy đủ các thiết bị như: Vòi nước rửa tay; chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái; bồn chứa nước [H3-3.1-02]; [H3-3.6- 02]

b) Nhà trường có ba giếng nước sạch ở khu trung tâm (một giếng khoan, hai giếng đào) đủ dùng để sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ. Ở các điểm khối 1, khối 2 đều có giếng nước sạch đảm bảo cho nhu cầu sinh hoạt cho giáo viên và trẻ. Hệ thống thoát nước ở các nhóm lớp, nhà bếp và khối phòng chức năng đảm bảo vệ sinh môi trường. Nhà trường bảo đảm đủ số lượng, chất lượng nước uống và nước sinh hoạt cho trẻ em, cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường; Hệ thống thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đảm bảo theo quy định: Có thùng đựng và phân loại rác thải. Có hệ thống thu gom và xử lý rác thải của phòng y tế; 13/14 nhóm lớp và

các phòng làm việc đều được bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời; các phương tiện, dụng cụ này đảm bảo thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng; nhà trường có quy định rõ về việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý rác trong nhà trường; rác thải được thu gom hàng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.1-02]; [H3-3.4- 04]; [H3-3.6- 04]

2. Điểm mạnh:

Các lớp học có đầy đủ phòng vệ sinh khép kín phân chia phòng nam, nữ riêng biệt, có nhà vệ sinh cho cán bộ giáo viên với 3 khu vực, được xây dựng theo quy định và phù hợp với cảnh quan nhà trường. Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cung cấp nước sạch, đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ; việc thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường, đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu:

Điểm lớp khối 2, bệ cầu to không phù hợp với đối tượng trẻ mầm non.

Điểm trường khối 1 nhà vệ sinh chưa đảm bảo với số lượng học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tham mưu với các cấp có thẩm quyền thay thế hệ thống bệ cầu để phù hợp với đối tượng trẻ mầm non, đầu tư xây dựng cho 2 lớp học điểm trường khối 1.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường mầm non Bình Minh được xây dựng kiên cố và đưa vào sử dụng từ ngày 5 tháng 9 năm 2010 và đã đạt chuẩn quốc gia mức độ II từ tháng 11 năm 2013. Khuôn viên của trường đều có biển tên trường, tường rào bao quanh. Diện tích sân chơi được thiết kế phù hợp, có cây xanh và được cắt tỉa đẹp, có vườn cây, vườn rau sạch. Sân chơi đảm bảo an toàn và có đủ đồ chơi ngoài trời theo quy định. Tuy nhiên, điểm trường khối 1 diện tích xây dựng còn nhỏ, còn chung với trường tiểu học Nguyễn Bình Khiêm, chưa có cổng và biển tên riêng, hàng lang của lớp nhỏ, sân chơi còn chung với trường tiểu học, chưa có vườn rau cho trẻ chăm sóc, trải nghiệm. Các điểm trường lẻ chưa có đủ đồ chơi ngoài trời cho trẻ chơi theo quy định. Số lượng đồ chơi ngoài trời tự làm chưa đa dạng, phong phú.

Các phòng sinh hoạt chung (làm nơi ăn, ngủ cho trẻ) đảm bảo an toàn. Môi trường trang trí đẹp, có đủ đồ dùng, thiết bị tối thiểu theo quy định; đảm bảo ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè, có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ngủ. Có sân chơi đảm

bảo an toàn cho trẻ. Phòng giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật diện tích đảm bảo, thoáng mát, đủ ánh sáng, đủ trang thiết bị phục vụ dạy và học. Bếp được xây dựng theo quy trình bếp một chiều, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

Nhà trường có văn phòng với diện tích rộng, có đủ bàn ghế họp, có tủ văn phòng và các biểu bảng theo quy định. Phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, hành chính với diện tích và đủ đồ dùng và các phương tiện làm việc. Phòng y tế có tủ y tế với đầy đủ các trang thiết bị, các loại thuốc thông dụng cần thiết, có sổ sách theo dõi sức khỏe của trẻ và CB- GV- NV, có tủ lạnh lưu mẫu thực phẩm, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ. Tuy nhiên, hệ thống máy vi tính của cán bộ quản lý và nhân viên đã hư hỏng, xuống cấp nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình làm việc.

Phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, nhà để xe có diện tích theo quy định, có đầy đủ các vật dụng cần thiết.

Nhà trường đầu tư đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi theo Danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non. Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài danh mục quy định đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ. Nhà trường thường xuyên tiến hành kiểm tra, kiểm kê tài sản hàng năm và xây dựng kế hoạch sửa chữa, mua sắm phù hợp.

+ Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 6

+ Số tiêu chí đạt: 6

+ Số tiêu chí không đạt: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường có Ban đại diện CMHS của các lớp và của nhà trường. Ban đại diện CMHS hoạt động theo đúng quy định của điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Nhà trường luôn chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Giáo viên các lớp xây dựng góc tuyên truyền các nội dung trẻ học ở trường mầm non tới phụ huynh học sinh. Bên cạnh đó hàng ngày giáo viên theo dõi các hoạt động của trẻ và thường xuyên trao đổi với trực tiếp với cha mẹ trẻ về tình hình học tập - vui chơi - ăn - ngủ của trẻ và trao đổi qua sổ bé ngoan.

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức đoàn thể, cá nhân ở địa phương nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường ngày càng khang trang, hiện đại.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2: Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ.

Mức 3: Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Hằng năm, ngay từ đầu năm học nhà trường đã triển khai Hội nghị cha mẹ học sinh toàn trường, tổ chức Hội nghị CMHS các lớp để bầu ban đại diện CMHS hoạt động theo thông tư 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 ban hành điều lệ ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổng kết công tác của hội CMHS năm trước , triển khai kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS năm tiếp theo[H1-1.1-06]; [H4- 4.1-02].

b) Ngay sau khi thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh lập kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của từng năm học [H4- 4.1-03].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ em tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ [H1-1.1-06]; [H4- 4.1-04]; [H1-1.2-04]

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Nhà trường có nhiều biện pháp và hình thức để hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục như thông qua Hội nghị cha mẹ học sinh, trao đổi trực tiếp, thông qua biểu bảng tuyên truyền của nhà trường, góc tuyên truyền của các lớp. Tuy nhiên một số góc tuyên truyền ở các lớp nội dung, hình ảnh chưa phong phú nên còn

hạn chế trong việc thu hút sự quan tâm của cha mẹ học sinh. Giáo viên phụ trách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và gia đình thường xuyên trao đổi thông tin của trẻ trong ngày: Tình hình ăn, ngủ, sức khỏe và việc tham gia các hoạt động khác của trẻ thông qua giờ đón và trả trẻ, sổ Bé ngoan, bảng tuyên truyền của lớp, điện thoại liên lạc nếu có vấn đề bất thường về sức khỏe của trẻ [H1-1.1-06]; [H4- 4.1-03]

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H1-1.1-06]; [H4- 4.1-06]

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo thông tư 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22/11/2011 do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Thực hiện tốt việc tuyên truyền và sự phối kết hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ và các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Góc tuyên truyền ở một số lớp nội dung chưa phong phú nên còn hạn chế trong việc thu hút sự chú ý, quan tâm của cha mẹ học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm học 2024- 2025 tiếp tục chỉ đạo các lớp xây dựng góc tuyên truyền với nội dung phong phú, hình thức hấp dẫn để thu hút sự quan tâm của cha mẹ học sinh. Duy trì phát huy việc phối hợp giữa ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để có kế hoạch phối hợp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua việc gặp gỡ trực tiếp để báo cáo, xây dựng kế hoạch, lập tờ trình đề nghị để chính quyền địa phương ra các nghị quyết nhằm phát triển giáo dục mầm non, phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi trên địa bàn Thị trấn; Hỗ trợ kinh phí trong việc sửa chữa cơ sở vật chất của nhà trường, quan tâm đến CB-GV-NV và học sinh nhân các ngày lễ, tết [H1-1.6-07]

b) Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; tuyên truyền qua bảng tuyên truyền của các lớp; tuyên truyền qua trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ hàng ngày [H4- 4.2-02]

c) Ngay từ đầu năm học nhà trường đã chủ động xây dựng kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền địa phương. Phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương trong đó chủ yếu là cha mẹ học sinh để huy động các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường như đóng góp kinh phí trang bị cơ sở cho trẻ ăn, ở bán trú, thăm trải nền, cây xanh một số biểu bảng tuyên truyền, đóng góp kinh phí trả lương cho nhân viên hợp đồng ngoài ngân sách. Riêng các doanh nghiệp trên địa bàn nhà trường chưa vận động công tác xã hội hóa giáo dục [H1-1.2-04]; [H1-1.6-07].

Mức 2:

a) Hàng năm, nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]

b) Trong năm học 2023-2024 nhà trường phối hợp với công đoàn, đoàn thanh niên, hội cha mẹ học sinh tổ chức được các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch của nhà trường như: lễ hội vui trung thu, bé đến trường, ngày hội thể thao, lễ hội mùa xuân, ...[H4- 4.2-05];[H4- 4.2-06]; [H1-1.2-04]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Năm học 2022-2023 nhà trường được công nhận cơ quan văn hóa [H1- 4.2-07].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu, phối kết hợp có hiệu quả với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Chưa vận động xã hội hóa giáo dục tới các tổ chức doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tăng cường tuyên truyền tới các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn thị trấn huy động thêm các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường có đầy đủ các thành phần Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng quy định của điều lệ BDD cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Nhà trường thực hiện tốt việc tuyên truyền và sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ. Giáo viên phụ trách nhóm lớp thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh.

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu, chủ động phối hợp có hiệu quả với chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể của thị trấn nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường, xây dựng nhà trường xanh-sạch - đẹp, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho trẻ.

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 2**

+ **Số tiêu chí đạt: 2**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016.

Nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với mục tiêu giáo dục, đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường

Trẻ có chiều cao, cân nặng bình thường theo độ tuổi, chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định.

Nhà trường luôn duy trì được tỷ lệ chuyên cần, trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình đạt 100%.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;
- b) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.

Mức 3:

- a) Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu

vực và thể giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;

b) Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a). Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016. Hàng năm, ban giám hiệu nhà trường cùng các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo từng độ tuổi: 24-36 tháng, MG 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi, lớp MG ghép rõ ràng và cụ thể, bám sát Chương trình giáo dục mầm non. Căn cứ vào kế hoạch chăm sóc, giáo dục của từng độ tuổi, giáo viên lên kế hoạch tháng, tuần và soạn giảng đúng theo nội dung chương trình [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02]

b). Từ chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016, nhà trường đã xây dựng chương trình giáo dục cho từng độ tuổi một cách cụ thể, chi tiết thể hiện rõ kế hoạch năm, tháng, thời gian biểu, phân phối môn học, dự kiến các chủ đề trong năm học phù hợp với quy định về chuyên môn của Phòng GD&ĐT huyện Đắk Tô và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.8-01]

c). Hàng tuần, hàng tháng, ban giám hiệu nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của giáo viên và quan sát trẻ khi tham gia các hoạt động. Kiểm tra, đánh giá bằng các hình thức như: dự giờ, sinh hoạt chuyên môn, theo dõi trẻ qua sổ theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ để kịp thời có sự điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp [H5-5.1-03]; [H1-1.4-03]; [H5-5.1-04]

1.2. MỨC 2:

a). Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 đảm bảo chất lượng,

được thể hiện qua kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ của giáo viên, sổ dự giờ của ban giám hiệu, kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ [H1-1.5-02]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]

b). Từ chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) sửa đổi, bổ sung một số nội dung Chương trình GDMN ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016, nhà trường đã xây dựng chương trình giáo dục cho từng độ tuổi một cách cụ thể, chi tiết, xây dựng các chủ đề trong năm học phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Căn cứ vào chương trình giáo dục của từng độ tuổi, giáo viên các lớp xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục phù hợp với văn hóa địa phương và điều kiện thực tế của lớp, khả năng, nhu cầu hứng thú của trẻ. Một số giáo viên mới ra trường, kỹ năng, kinh nghiệm còn hạn chế nên việc lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ chưa linh hoạt, chưa phong phú [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

1.3. MỨC 3 :

a). Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo Chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới đúng quy định, hiệu quả. Chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, và địa phương. [H1-1.8-01]

b). Hằng năm nhà trường đều tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non thông qua báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học kết quả dự giờ của Ban giám hiệu, hồ sơ kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ. Qua đó nhằm điều chỉnh, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04]; [H1-1.2-04]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với quy định chuyên môn của Phòng GD&ĐT huyện, điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Hằng năm nhà trường đều tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non để kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên mới ra trường, kỹ năng, kinh nghiệm còn hạn chế nên việc lựa chọn hình thức và phương pháp tổ chức các hoạt động cho trẻ chưa linh hoạt, chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng chương trình giáo dục mầm non, chú trọng nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ trong nhà trường.

Năm học 2024-2025, chuyên môn nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên mới, phân công giáo viên cốt cán, tổ trưởng chuyên môn giúp đỡ, tư vấn về chuyên môn cho giáo viên mới, tăng cường các hoạt động chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ để giáo viên được trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a). Nhà trường chỉ đạo giáo viên các lớp lên kế hoạch và soạn giảng đúng theo nội dung chương trình, lựa chọn nội dung giáo dục phù hợp phù hợp với điều kiện thực tế của trường, của lớp, thiết kế và tổ chức các hoạt động đáp ứng được mục tiêu đề ra, thực hiện linh hoạt các phương pháp, tạo cơ hội cho trẻ tham gia tích cực vào các hoạt động [H1-1.5-02]

b). Nhà trường có 12/12 nhóm, lớp tại 3 điểm trường đều xây dựng và tổ chức được môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được

vui chơi, trải nghiệm. Các điểm trường, các nhóm, lớp đều được trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi cho trẻ vui chơi, trải nghiệm. Các điểm trường đều có sân chơi, cây xanh, khu vực chơi với cát, nước, vườn rau cho bé trải nghiệm, khám phá. Điểm trường khối 1 và khối 2 đồ chơi ngoài trời còn hạn chế, sân chơi tại điểm trường khối 1 còn chung với Trường tiểu học nên khó khăn trong việc xây dựng môi trường và sắp xếp đồ chơi ngoài trời. [H5-5.2-02]

c). Hàng năm, nhà trường chỉ đạo giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của nhà trường, của lớp, tăng cường các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa như tổ chức cho trẻ vui tết trung thu, lễ hội mùa xuân, ngày hội bé tới trường, tổ chức cho trẻ 5-6 tuổi đi trải nghiệm, giao lưu ở Kon Tum, ngày hội thể thao, tham quan trường Tiểu học, tham quan tượng đài chiến thắng Đăk Tô- Tân Cảnh,...[H1-1.5-02]; [H5-5.2-03]

Mức 2

Hàng năm, nhà trường đã tăng cường các hoạt động ngoại khóa, thực hành, trải nghiệm, khám phá cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Tổ chức lễ hội “ ngày hội bé đến trường , Vui Tết Trung thu, Phối hợp với Tiểu đoàn 5 Trung đoàn 24 tổ chức cho trẻ 3 độ trải nghiệm 1 số hoạt động của Quân đội, tổ chức ngoại khóa ngày hội thể thao cho trẻ 3 độ tuổi, tổ chức tham quan cảnh đẹp Đăk Tô, tổ chức cho trẻ 5-6 tuổi đi trải nghiệm, giao lưu ở Kon Tum; trải nghiệm giao lưu tiếng anh tại trung tâm Tiếng Anh Sunflower Ngọc Hồi; Tổ chức các hoạt động mừng ngày sinh nhật Bác Hồ; tham quan Trường Tiểu học; đón và giao lưu với trẻ 5 tuổi Trường Mầm non xã Đăk Trăm và xã Văn Lem . Các hoạt động đều thu hút sự tham gia của trẻ, trẻ tích cực, hứng thú và được trải nghiệm thực tế bổ ích. [H1-1.5-02]; [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04]

Mức 3

Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm”. 12/12 nhóm, lớp xây dựng được môi trường trong và ngoài lớp đáp ứng nhu cầu, khả năng, kích thích hứng thú của trẻ, tạo điều kiện cho tất cả trẻ chơi mà học, học bằng chơi. Sắp xếp các góc hoạt động trong và ngoài lớp có nhiều nguyên vật liệu mang tính mở, tạo điều kiện cho trẻ dễ dàng lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, khuyến khích trẻ có thể hoạt động theo nhiều cách khác nhau, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, thực hành, trải nghiệm, khám phá dưới nhiều hình thức giúp trẻ phát triển toàn diện. Vẫn còn một số lớp đồ dùng, đồ chơi ở các góc chưa phong phú, chưa đa dạng về nguyên vật liệu mở. [H1-1.5-02]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-05]

2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu

cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Tổ chức được các hoạt động ngoại khóa, thực hành, trải nghiệm cho trẻ phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Điểm trường khối 1 và khối 2 đồ chơi ngoài trời còn hạn chế, sân chơi tại điểm trường khối 1 còn chung với Trường tiểu học nên khó khăn trong việc xây dựng môi trường và sắp xếp đồ chơi ngoài trời.

Vẫn còn một số lớp đồ dùng, đồ chơi ở các góc chưa phong phú, chưa đa dạng về nguyên vật liệu mở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Duy trì và tăng cường các hoạt động ngoại khóa, tham quan, trải nghiệm cho trẻ trong các năm học tới. Tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp thêm đồ chơi ngoài trời cho các điểm trường lẻ trong năm học 2024-2025. Khuyến khích, chỉ đạo giáo viên ở tất cả các điểm trường thường xuyên làm, bổ sung, cải tạo đồ dùng đồ chơi ngoài trời đồ dùng, đồ chơi ở các góc cho trẻ vui chơi, trải nghiệm

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3 :

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a). Trong năm học, nhà trường phối hợp với trạm y tế Thị trấn Đắk Tô để tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ em như tổ chức cho trẻ uống Vitamin A, xổ giun, tiêm vắc xin, khám sức khỏe định kỳ 1 lần/ năm để kịp thời phối hợp với phụ huynh chăm sóc sức khỏe cho trẻ đối với những trẻ sức khỏe không tốt hoặc bị ốm, sâu răng ... [H5-5.3-01].

b). Trong năm học 2023-2024, 100% trẻ được nhân viên phụ trách công tác y tế nhà trường tổ chức đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng 3 lần/ năm trong sổ sức khỏe theo quy định vào tháng 9, tháng 12 và tháng 4. Năm học 2023 – 2024 có 317/317 trẻ được khám sức khỏe định kỳ và cân đo, theo dõi biểu đồ tăng trưởng [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c). Sau mỗi đợt cân đo, theo dõi BĐTT bộ phận y tế đều xây dựng kế hoạch, đưa ra các biện pháp phù hợp để giảm tỉ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân và béo phì. Tuy nhiên chưa không chế được tỷ lệ thừa cân, béo phì. Năm học 2023 – 2024: Trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: Đầu năm là 9,75 % đến cuối năm giảm còn 4,73 %. Trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi: Đầu năm là 6,6% đến cuối năm giảm còn 3,79%. Thừa cân, béo phì đầu năm 3,46% cuối năm tăng lên 5,68 % [H5-5.3-04];[H5-5.3-05].

Mức 2

a). Nhà trường tổ chức tư vấn cho các bậc phụ huynh học sinh về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em bằng nhiều hình thức tuyên truyền như tuyên truyền bằng hình ảnh,... ở bảng tin của trường các góc cây trên sân trường, ở góc thông tin của các lớp. [H5-5.3-06].

b). Chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng đảm bảo theo quy định tại quyết định số 777/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2017 (Điều chỉnh lại điểm D khoản 2 điều 1 thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT). Nhà trường có nhân viên y tế phụ trách công tác tính dưỡng chất theo phần mềm Nutrikids xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với từng độ tuổi

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ em trong một ngày là: 1230-1320Kcal

+ Nhu cầu kiến nghị năng lượng tại một trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày: 615-726 Kcal

Số bữa ăn tại trường: 1 bữa chính và 1 bữa phụ

+ Năng lượng phân phối cho các bữa: Bữa chính, bữa trưa cung cấp từ 30-35%

năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15-25% năng lượng cả ngày

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-15% năng lượng khẩu phần;

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%-27% năng lượng khẩu phần;

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 58%-60% năng lượng khẩu phần.

Nước uống: Khoảng 1,6-2,0 lít/trẻ/ngày (Kể cả nước trong thức ăn)

Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. Điểm trường khối 1 học sinh tự mang cơm nên bữa ăn của trẻ chưa đảm bảo chất dinh dưỡng [H5-5.3-07].

c). 100% trẻ em suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Tuy nhiên tỷ lệ trẻ bị thừa cân, béo phì chưa giảm so với đầu năm học. Năm học 2023 – 2024: Trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: Đầu năm là 9,75 % đến cuối năm giảm còn 4,73 %. Trẻ bị suy dinh dưỡng thể thấp còi: Đầu năm là 6,6% đến cuối năm giảm còn 3,79%. trẻ thừa cân, béo phì đầu năm 3,46% cuối năm tăng lên 5,68 %; [H5-5.3-05]

Mức 3

Năm học 2023 – 2024 có 96 % trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân chiếm tỷ lệ 4,73%, trẻ SDD thấp còi chiếm tỷ lệ 3,79 %, trẻ thừa cân, béo phì chiếm tỷ lệ 5,68% Số trẻ SDD hầu hết là học sinh DTTS tại điểm trường khối 1 và khối 2 [H5-5.3-02]

2. Điểm mạnh:

Hàng năm nhà trường đều phối hợp với trạm y tế thị trấn và cha mẹ trẻ để tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ; 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định; Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường đảm bảo cân đối. Tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng được cải thiện so với đầu năm học.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ trẻ bị thừa cân, béo phì chưa giảm so với đầu năm học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2024 - 2025, nhà trường và GVCN tăng cường công tác tuyên truyền vận động phụ huynh điểm trường khối 1 chăm lo bữa cơm trưa cho trẻ đảm bảo đủ chất dinh dưỡng. Bộ phận chuyên môn và y tế nhà trường xây dựng các biện pháp chăm sóc cho trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi, thừa cân béo phì hữu hiệu hơn để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng, khống chế tỷ lệ thừa cân, béo phì.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4 : Kết quả giáo dục:

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3 :

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024 tỷ lệ chuyên cần của nhà trường đạt 95 % đối với trẻ 5 tuổi, trẻ 3, 4 tuổi đạt 90% [H5-5.4-01].

b) Năm học 2023-2024 tỷ lệ trẻ 5 tuổi của nhà trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 109/109 trẻ đạt 100% [H5-5.4-02].

c) Năm học 2023 – 2024 nhà trường không trẻ khuyết tật học hòa nhập .[H1-1.5-03].

Mức 2:

a). Trẻ đến trường trong năm học 2023-2024 đạt tỷ lệ chuyên cần: trẻ 5 tuổi đạt 95 %, trẻ 3,4 tuổi đạt 90%. [H5-5.4-01].

b). Năm học 2023-2024 tỷ lệ trẻ 5 tuổi của nhà trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 109/109 trẻ đạt 100% [H5-5.4-02].

c) Năm học 2023 – 2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-03].

Mức 3:

a). Năm học 2023-2024 tỷ lệ trẻ 5 tuổi của nhà trường hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non 109/109 trẻ đạt 100% [H5-5.4-02].

b) Năm học 2023-2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh:

Tỉ lệ chuyên cần của nhà trường đạt 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ 3,4 tuổi. Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN của nhà trường đạt 100%. Năm học 2023 – 2024 nhà trường không có trẻ khuyết tật.

3. Điểm yếu:

Không có

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trường Mầm non Bình Minh nhiều năm liên tục thực hiện tốt kế hoạch của ngành về chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục nên chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ luôn đạt kết quả tốt. Tỷ lệ trẻ phát triển bình thường cao, tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng luôn dưới 5%. Nhà trường có nhiều biện pháp nhằm hạn chế tỉ lệ trẻ thừa cân, béo phì. Trường luôn duy trì được tỷ lệ chuyên cần cao. Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN luôn đạt 100%

+ **Tổng số tiêu chí của tiêu chuẩn: 4**

+ **Số tiêu chí đạt: 4**

+ **Số tiêu chí không đạt: 0**

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Việc kiểm định chất lượng là trách nhiệm, là động lực để cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở mỗi nhà trường. Đồng thời kiểm định chất lượng còn được coi là một hoạt động có hiệu quả để đánh giá một cơ sở giáo dục, đánh giá ghi nhận một chương trình đào tạo có đạt chất lượng hay không.

Kiểm định chất lượng giáo dục có vai trò như những chuyên gia tư vấn, sẵn sàng giúp nhà trường giải quyết vấn đề tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục.

Kết quả kiểm định góp phần định hướng các hoạt động sau đây của xã hội:

Định hướng lựa chọn đầu tư của người học, của cha mẹ học sinh đối với cơ sở giáo dục có chất lượng và hiệu quả hơn, phù hợp với khả năng của mình. Định hướng phát triển cho các cơ sở giáo dục mầm non để tăng cường năng lực cạnh tranh (nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, công tác quản lý)

Qua quá trình tự tiến hành đánh giá của nhà trường, kết quả đạt được qua chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt:

+ Mức 1:

Đạt 25/25 đạt tỷ lệ 100%

Không đạt: 0/25 chiếm 0%

+ Mức 2:

Đạt 25/25 đạt tỷ lệ 100%

Không đạt: 0/0 chiếm 0%

+ Mức 3:

Đạt 16/19 đạt tỷ lệ 84,2%

Không đạt: 3/19 chiếm 15,8%

- Mức đánh giá của trường mầm non: Mức 2

- Trường mầm non đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 hoặc/và: đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1;

Đăk Tô, ngày 20 tháng 5 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Anh Tuyết

